

4. PHƯỜNG YÊN BÁI

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Từ	Đến			
1	Đường Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Điện Biên)	Hết ranh giới phường Yên Bái	60.300	36.180	30.150
2	Đường Điện Biên (Từ Ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Điện Biên) đến Ngã 5 Cao Lanh)	Ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Điện Biên)	Hết đất cây xăng Chiến Thắng	58.500	35.100	29.250
		Cây xăng Chiến Thắng	Đầu cầu Dài	40.000	24.000	20.000
		Đầu cầu Dài	Ngã tư Cao Thắng	37.000	22.200	18.500
		Ngã tư Cao Thắng	Ngã năm Cao Lanh	35.000	21.000	17.500
3	Đường Hoàng Hoa Thám	Ngã năm Cao Lanh	Giáp đường sắt Hà Nội -Yên Bái	19.500	11.700	9.750

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực (Từ ngã năm Cao Lanh đến cổng Ngòi Yên)	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
		Đường sắt Hà Nội -Yên Bái	Hết đường Hoàng Hoa Thám			
4	Đường Trần Hưng Đạo (Từ cổng Ngòi Yên đến ngã tư cầu Yên Bái)	Cổng Ngòi Yên	Phố Dã Tượng	20.000	12.000	10.000
		Phố Dã Tượng	Đầu phố Nguyễn Du	17.000	10.200	8.500
		Đầu phố Nguyễn Du	Ngã tư đầu cầu Yên Bái	14.000	8.400	7.000
5	Đường Nguyễn Phúc (Từ ngã tư cầu Yên Bái đến hết địa giới phường Yên Bái)	Ngã tư cầu Yên Bái	Ngã ba Âu Lâu	8.000	4.800	4.000
		Trạm điện	Ngã ba Âu Lâu	5.000	3.000	2.500
		Ngã ba Âu Lâu	Hết ranh giới CTCP Kinh doanh chế biến lâm SX khẩu Yên Bái	6.000	3.600	3.000
		CTCP Kinh doanh chế biến lâm sản xuất khẩu Yên Bái	Hết ranh giới phường Yên Bái	4.500	2.700	2.250
6	Đường Lê Hồng Phong (Từ ngã ba Âu Lâu đến ngã tư Nam Cường)	Từ ngã ba Âu Lâu	Ngòi Nam Cường	10.000	6.000	5.000
		Ngòi Nam Cường	Hết ranh giới trường Lê Hồng Phong	11.000	6.600	5.500
		Trường Lê Hồng Phong	Hết ranh giới cây xăng vật tư	15.000	9.000	7.500
		Cây xăng vật tư	Giáp vị trí 1 đường Thành Công	18.000	10.800	9.000
7	Đường Thành Công (Từ ngã tư Nam Cường đến	Ngã tư Nam Cường	Phố Tô Hiến Thành	15.000	9.000	7.500
		Phố Tô Hiến Thành (qua đường	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái	20.000	12.000	10.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực <i>đường sắt cắt đường ngang khu cổng Ngòi Yên)</i>	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
		Thành Công)	Học			
		Vị trí 1 đường Thành Công cải tạo	Hết đất Chi cục thi hành án dân sự	13.000	7.800	6.500
		Chi cục thi hành án dân sự	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	15.000	9.000	7.500
		Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Hoa Thám	13.000	7.800	6.500
8	Đường Thanh Niên (Từ ngã ba cửa ga Yên Bái ven bờ sông Hồng đến gặp đường Nguyễn Phúc)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Phố Yết Kiêu	11.000	6.600	5.500
		Phố Yết Kiêu	Phố Đinh Liệt	6.000	3.600	3.000
		Phố Đinh Liệt	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Phúc	4.000	2.400	2.000
9	Phố Yết Kiêu (Từ đầu nam chợ Yên Bái đến gặp đường Thanh Niên)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Hết đất số nhà 25	12.000	7.200	6.000
		Số nhà 25	Đường Thanh Niên	7.000	4.200	3.500
10	Phố Mai Hắc Đế (Từ đường Trần Hưng Đạo gặp đường Thanh Niên)	vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Cách đường Trần Hưng Đạo 50m về phí hướng đi đường Thanh Niên	6.050	3.630	3.030
		Cách đường Trần Hưng Đạo 50m về phí hướng đi đường Thanh Niên	Vị trí 1 đường Thanh Niên	4.500	2.700	2.250

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
11	Phố Nguyễn Cảnh Chân	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Thanh Niên	4.000	2.400	2.000
12	Phố Nguyễn Du	Nhà thi đấu TDTT	Đường Hòa Bình	7.000	4.200	3.500
13	Phố Trần Đức Sắc	Sau VT 1 đường Nguyễn Thái Học	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	7.000	4.200	3.500
14	Phố Tô Ngọc Vân	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	7.000	4.200	3.500
15	Phố Mai Văn Ty	Phố Tô Ngọc Vân	phố Trần Đức Sắc	7.000	4.200	3.500
16	Phố Phó Đức Chính	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	7.000	4.200	3.500
17	Đường Lý Thường Kiệt (Từ ngã tư Nam Cường đến ngã năm Cao Lanh)	Ngã tư Nam Cường	Đến hết số nhà 40 và ngõ 11	15.000	9.000	7.500
		Từ số nhà 40 và ngõ 11	Đường Lý Đạo Thành	12.000	7.200	6.000
		Đường Lý Đạo Thành	Vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	18.000	10.800	9.000
18	Đường Trần Bình Trọng	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	đường Phạm Ngũ Lão	13.000	7.800	6.500
19	Đường Yên Ninh (Từ ngã tư Nam Cường đến ngã tư Km 5 - giao với các đường Nguyễn Tất Thành, Điện Biên, Đinh Tiên Hoàng)	Ngã tư Nam Cường	Hết đất Trạm viễn thông Nam Cường và hết ranh giới số nhà 27	15.000	9.000	7.500
		Trạm viễn thông Nam Cường và hết ranh giới số nhà 27	Đầu cầu Bệnh viện Sản nhi	12.000	7.200	6.000
		Đầu cầu Bệnh viện Sản nhi	Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Lào Cai	16.500	9.900	8.250

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
		Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Lào Cai	Đường Quang Trung	20.000	12.000	10.000
		Đường Quang Trung	Ngã tư Km5	25.000	15.000	12.500
20	Đường Hồ Xuân Hương (Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Hoa Thám đến cầu Trầm)	Sau VT 1 đường Hoàng Hoa Thám	Hết đất chợ Yên Ninh	12.500	7.500	6.250
		Chợ Yên Ninh	Hết đất số nhà 94	8.000	4.800	4.000
		Số nhà 94	Hết đất nhà bà Hòa (cổng trường Lý Tự Trọng)	6.000	3.600	3.000
		Nhà bà Hòa (cổng trường Lý Tự Trọng)	Cầu Trầm	4.000	2.400	2.000
21	Đường Kim Đồng (Từ ngã tư Bệnh viện Sản Nhi đến gặp đường Điện Biên - ngã ba cầu Dài)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Hết đất số nhà 46	14.000	8.400	7.000
		Số nhà 46	Số nhà 406	12.000	7.200	6.000
		Số nhà 406	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	17.000	10.200	8.500
22	Đường Đá Bia (Từ ngã tư bệnh viện Sản Nhi đến cầu nghĩa trang Đá Bia)	Vị trí 1 đường Yên Ninh	Hết đất số nhà 21	7.000	4.200	3.500
		Số nhà 21	Hết khu tập thể bệnh viện cũ (Cổng qua đường)	5.000	3.000	2.500
		Khu tập thể bệnh viện cũ (Cổng qua đường)	Nghĩa trang Đá Bia	4.000	2.400	2.000
23	Đường Quang Trung (Từ	Vị trí 1 đường Yên Ninh	Số nhà 400	16.500	9.900	8.250

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
	đường Yên Ninh khu trường Nguyễn Huệ gặp đường Điện Biên Km 4)	Số nhà 400	Số nhà 12	13.500	8.100	6.750
		Số nhà 12	Vị trí 1 đường Điện Biên	18.700	11.220	9.350
24	Đường Lê Lợi (Từ ngã tư km 4 đến cầu Bảo Lương)	Vị trí 1 đường Điện Biên	Đầu cầu Đ2 (cầu thứ hai)	14.300	8.580	7.150
		Cầu Đ2 (cầu thứ hai)	Hết cổng nhà máy Sứ	11.000	6.600	5.500
		Cổng nhà máy Sứ	Cầu Bảo Lương	10.000	6.000	5.000
25	Đường Trần Phú (Từ ngã ba Ngân hàng Nhà nước đến hết ranh giới phường Yên Bái)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Sau vị trí 1 đường Âu Cơ	23.000	13.800	11.500
		Sau Quán Đá	Hết ranh giới phường Yên Bái	18.000	10.800	9.000
26	Đường Lê Văn Tám (Từ ngã ba Km 6 qua Trung tâm GTVL đến ngã ba Ngân hàng Nông nghiệp)	Vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Hết xưởng sửa chữa ô tô Dung Bắc	18.000	10.800	9.000
		Từ xưởng sửa chữa ô tô Dung Bắc	Đến hết số nhà 143	23.000	13.800	11.500
		Từ số nhà 143	Hết số nhà 60	17.000	10.200	8.500
		Số nhà 60	Vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	18.000	10.800	9.000
27	Đường Trần Quốc Toàn (Từ chợ Đồng Tâm qua Sở Xây dựng đến Ngân hàng Nhà nước)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên (chợ Km 4)	Hết đất số nhà 67	20.000	12.000	10.000
		Số nhà 67	Giáp vị trí 1 đường Điện Biên (Ngân hàng Nhà nước)	18.000	10.800	9.000
28	Phố Tô Hiệu (Từ cổng Sở Giáo dục đến gặp đường Hà	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50 m hướng về sân vận động	12.000	7.200	6.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực <i>Huy Tập)</i>	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
		Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50 m hướng về sân vận động	Ngã ba khán đài A sân vận động Thanh Niên	10.000	6.000	5.000
		Ngã ba khán đài A sân vận động Thanh Niên	Đường Ngô Gia Tự	8.000	4.800	4.000
		Ngã ba khán đài A sân vận động Thanh Niên qua trường tiểu học Nguyễn Trãi	Đường Hà Huy Tập	8.000	4.800	4.000
29	Phố Võ Thị Sáu	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Đường Ngô Gia Tự	12.000	7.200	6.000
30	Đường Ngô Gia Tự (<i>Từ ngã ba Bưu điện tỉnh đến gặp đường Hà Huy Tập</i>)	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Cách vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng 50 m hướng đi về đường Hà Huy Tập	18.000	10.800	9.000
		Cách vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng 50 m hướng đi về đường Hà Huy Tập	Phố Võ Thị Sáu	16.000	9.600	8.000
		Phố Võ Thị Sáu	Đường Hà Huy Tập	14.000	8.400	7.000
31	Phố Ngô Sĩ Liên	Vị trí 1 đường Trần Phú	Ngã ba	16.000	9.600	8.000
		Ngã ba	Hết tiểu khu Hào Gia (giáp suối)	15.000	9.000	7.500
32	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Vị trí 1 đường Trần Phú	Hết ranh giới phường Yên Bái	12.000	7.200	6.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
33	Đường Bảo Lương	Ngã tư km 2	Đường Lê Lợi	17.000	10.200	8.500
34	Đường Cao Thắng	Vị trí 1 đường Điện Biên	Vị trí 1 đường Yên Ninh	17.000	10.200	8.500
35	Đường Hòa Bình (Từ ngã ba tiếp giáp đường Thành Công đến giáp vị trí 1 đường Nguyễn Phúc)	Sau vị trí 1 đường Thành Công	Hết đất bà Phạm Thị Sở	8.000	4.800	4.000
		Đất bà Phạm Thị Sở	Giáp vị trí 1 đường Nguyễn Phúc	7.000	4.200	3.500
36	Phố Trần Nguyên Hãn	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	6.000	3.600	3.000
37	Phố Trần Quang Khải	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	6.000	3.600	3.000
38	Phố Đinh Lễ	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	6.000	3.600	3.000
39	Phố Đinh Liệt	Đường Trần Hưng Đạo khu trường Lý Thường Kiệt	Đường Thanh Niên	6.000	3.600	3.000
40	Phố Đào Duy Từ	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	4.000	2.400	2.000
41	Đường Thanh Liêm	Sau vị trí 1 đường Lê Văn Tám	Đường Hà Huy Tập	9.000	5.400	4.500
42	Phố Hòa Cường	Ngã ba Công ty CPXDGT đường Lê Hồng Phong	Đường Hoà Bình	5.000	3.000	2.500
43	Phố Dã Tượng	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Sau vị trí 1 đường Thanh Niên	7.000	4.200	3.500
44	Đường Nguyễn Thái Học (Từ ngã năm Cao Lanh đến	Ngã năm Cao Lanh	Đường Thành Công rẽ ra đường Hoàng Hoa Thám	33.000	19.800	16.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực (ngã tư cầu Yên Bái)	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
		Đường Thành Công rẽ ra đường Hoàng Hoa Thám	Phố Nguyễn Du	27.500	16.500	13.750
		Phố Nguyễn Du	Đầu cầu Yên Bái	27.500	16.500	13.750
45	Phố Đào Tấn	Sau vị trí 1 phố Đỗ Văn Đức	Sau vị trí 1 phố Yên Hòa	10.000	6.000	5.000
46	Đường Hoàng Văn Thụ	Sau vị trí 1 đường Kim Đồng	Hết số nhà 17	12.000	7.200	6.000
		Số nhà 17	Cổng qua đường (hết đất nhà ông Bằng)	10.000	6.000	5.000
		Cổng qua đường (hết đất nhà ông Bằng)	Sau vị trí 1 đường Quang Trung	12.000	7.200	6.000
47	Đường Lý Tự Trọng	Sau vị trí 1 đường Quang Trung	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	15.000	9.000	7.500
48	Đường Yên Bái - Văn Tiến	Ngã tư cầu Bảo Lương	Hết ranh giới phường Yên Bái	8.400	5.040	4.200
49	Phố Đoàn Thị Điểm (Từ đường Trần Hưng Đạo đến gặp phố Trần Nguyên Hãn)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50 m về phía đường Trần Nguyên Hãn	5.500	3.300	2.750
		Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50 m về phía phố Trần Nguyên Hãn	Vị trí 1 phố Trần Nguyên Hãn	4.000	2.400	2.000
		Sau vị trí 1 phố Trần Nguyên Hãn	Vị trí 1 phố Mai Hắc Đế	4.500	2.700	2.250
		Sau vị trí 1 phố Mai Hắc Đế	Vị trí 1 phố Dã Tượng	3.500	2.100	1.750

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
50	Phố Bùi Thị Xuân	Đường Trần Quang Khải	Phố Đinh Lễ	3.500	2.100	1.750
51	Phố Lê Quý Đôn (Đường ngang đi phía Đông nam trường Lý Thường Kiệt)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50 m về phía đường Thanh Niên	5.500	3.300	2.750
		Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50 m về phía đường Thanh Niên	Vị trí 1 đường Thanh Niên	4.000	2.400	2.000
52	Phố Tuệ Tĩnh (Từ đường Thành Công vào Bệnh viện thành phố)	Sau vị trí 1 đường Thành Công	Trung tâm y tế Yên Bái	6.500	3.900	3.250
53	Đường Lý Đạo Thành	Sau vị trí 1 đường Lý Thường Kiệt (qua ven hồ Công viên)	Vị trí 1 đường Thành Công	15.000	9.000	7.500
54	Đường Hà Huy Tập	Phố Tô Hiệu	hết đất nhà bà Lê Thị Sâm Tổ	10.000	6.000	5.000
		Từ đất nhà bà Lê Thị Sâm Tổ	giáp ranh giới phường Nam Cường	8.000	4.800	4.000
55	Đường vào trường Nguyễn Trãi	Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50m hướng về cổng trường Nguyễn Trãi)	Cổng trường Nguyễn Trãi	4.000	2.400	2.000
56	Đường Lê Chân	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Giáp ranh giới phường Nam	10.000	6.000	5.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
			Cường			
57	Phố Phùng Khắc Khoan (Từ đường Hòa Bình đoạn đường sắt cắt ngang gặp đường Lê Hồng Phong)	Sau VT1 đường Hòa Bình	Cách VT1 đường Lê Hồng Phong 50m (hướng về đường Hòa Bình)	4.000	2.400	2.000
		Cách VT1 đường Lê Hồng Phong 50m (hướng về đường Hòa Bình)	Vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	5.200	3.120	2.600
58	Đường Nguyễn Khắc Nhu	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	Vị trí 1 đường Hòa Bình	8.000	4.800	4.000
59	Đường Phạm Ngũ Lão (Từ đường Trần Bình Trọng qua Vật tư nông nghiệp thị xã cũ)	Sau vị trí 1 đường Trần Bình Trọng	Cách vị trí 1 đường Trần Bình Trọng 50m hướng về Khu quỹ đất Xuân Lan	5.000	3.000	2.500
		Cách vị trí 1 đường Trần Bình Trọng 50m hướng về Khu quỹ đất Xuân Lan	Cách vị trí 1 đường Trần Bình Trọng 150m hướng về Khu quỹ đất Xuân Lan	4.000	2.400	2.000
		Cách vị trí 1 đường Trần Bình Trọng 150m hướng về Khu quỹ đất Xuân Lan	Hết ranh giới nhà ông Sinh	3.000	1.800	1.500
60	Đường Lê Trực (Từ đến)	Đường Trần Phú (qua Trường Cao đẳng Sư phạm)	Hết ranh giới nhà ông Vũ Huy Dương	10.000	6.000	5.000
		Hết ranh giới nhà ông Vũ Huy Dương	Vị trí 1 đường Âu Cơ	22.000	13.200	11.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
61	Đường Lê Lai (Từ Công an tỉnh gặp đường Bảo Lương)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Trạm xá Công an Tỉnh	10.000	6.000	5.000
		Trạm xá Công an Tỉnh	Đường Bảo Lương (hướng Km2)	8.000	4.800	4.000
		Đường Bảo Lương (hướng Km2)	Đường Bảo Lương (hướng Nhà máy Sứ)	8.000	4.800	4.000
62	Đường Trương Quyền	Cầu ông Phó Hoan	Ngã ba đường Trương Quyền	10.000	6.000	5.000
		Ngã ba đường Trương Quyền	Vị trí 1 đường Bảo Lương (hướng nhà máy Sứ)	8.000	4.800	4.000
		Vị trí 1 đường Bảo Lương (hướng nhà máy Sứ)	Vị trí 1 đường Bảo Lương (hướng Km2)	8.000	4.800	4.000
63	Phố Đặng Dung	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Giáp đất nhà ông Lễ	4.500	2.700	2.250
		Đất nhà ông Lễ	Vị trí 1 đường Kim Đồng	4.100	2.460	2.050
64	Phố Tô Hiến Thành	Đường Thành Công	Trung tâm thương mại Vincom	13.000	7.800	6.500
65	Phố Minh Khai	Sau vị trí 1 đường Đinh Tiên Hoàng	Vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	10.000	6.000	5.000
		Sau vị trí 1 đường Nguyễn Tất Thành	Vị trí 1 đường Nguyễn Đức Cảnh	15.000	9.000	7.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
66	Đường Thành Trung (Từ đường Yên Ninh khu Công ty Dược gặp đường Hoàng Văn Thụ)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50m (hướng đi đến đường Hoàng Văn Thụ)	11.000	6.600	5.500
		Cách vị trí 1 đường Yên Ninh 50m (hướng đi đến đường Hoàng Văn Thụ)	Hết ranh giới đất nhà xây ông Châm, bà Hà (đối diện đường vào Tổ Minh Tân 6)	8.800	5.280	4.400
		Đất nhà xây ông Châm, bà Hà (đối diện đường vào Tổ Minh Tân 6)	Vị trí 1 đường Hoàng Văn Thụ	11.000	6.600	5.500
67	Đường đi đền Tuần Quán	Ngã ba đường Bảo Lương	Đường Hưng Hóa	10.000	6.000	5.000
68	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Nguyễn Tất Thành	Đường Âu Cơ	40.000	24.000	20.000
69	Đường Nguyễn Tất Thành	Ngã tư Km 5 (giao với các đường Yên Ninh, Nguyễn Tất Thành, Điện Biên)	Hết ranh giới phường Yên Bái	40.000	24.000	20.000
70	Đường Âu Cơ	Ngã Tư giao với đường Trần Phú	Hết ranh giới phường Yên Bái	40.000	24.000	20.000
71	Đường Phế liệu	Phố Nguyễn Cảnh Chân	Phố Trần Quang Khải	5.000	3.000	2.500
72	Phố Hội Bình (Cạnh Công	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Vị trí 1 đường Thanh Niên	11.000	6.600	5.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
	ty ảnh Sao Mai cắt ngang qua chợ Yên Bái)					
73	Phố Yên Lạc (Từ Chi cục QLTT tỉnh Yên Bái qua Sân vận động đến đường Nguyễn Thái Học)	Sau vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50m về hướng đi đường Nguyễn Thái Học	5.500	3.300	2.750
		Cách vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo 50m về hướng đi đường Nguyễn Thái Học	Vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	3.500	2.100	1.750
74	Phố Đỗ Văn Đức	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Hoa Thám	7.000	4.200	3.500
75	Phố Yên Hòa	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Hoa Thám	7.000	4.200	3.500
76	Đường Tuần Quán	Cầu Tuần Quán (hướng đi ngã 6)	Hết địa phận phường Yên Bái	15.000	9.000	7.500
77	Đường nối từ ngã 5 Cao Lanh đến hết ranh giới phường Yên Bái	Ngã 5 Cao Lanh	Ngã tư cầu Bách Lãm	40.000	24.000	20.000
		Ngã tư cầu Bách Lãm	Đường Tuần Quán	35.000	21.000	17.500
		Đường Tuần Quán	Hết ranh giới phường Yên Bái	20.000	12.000	10.000
78	Đường Bách Lãm	Ngã tư đầu cầu Bách Lãm (bên phường Yên Bái)	Vị trí 1 đường Yên Ninh	36.000	21.600	18.000
79	Đường Trần Xuân Lai	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Vị trí 1 đường Bách Lãm	10.000	6.000	5.000
80	Đường Trần Nhật Duật	Đường Hưng Hóa	Ngã ba Công ty cổ phần sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn	11.000	6.600	5.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
81	Đường nối từ đường Điện Biên đến Đường nối từ ngã 5 Cao Lanh đến cầu Văn Phú (sau vị trí 1 đường Điện Biên qua cầu Phó Hoan đến gặp đường nối Quốc lộ 37 với Nội Bài Lào Cai đoạn từ Cầu Bách Lãm đến gặp đường Tuần Quán)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Đường nối từ ngã 5 Cao Lanh đến cầu Văn Phú	30.000	18.000	15.000
82	Đường Điện Biên - Yên Ninh (phía Sở Y Tế)	Đất nhà bà Nguyễn Thị Khanh (từ cổng thoát nước)	Đường bê tông tổ Yên Ninh 10	5.500	3.300	2.750
83	Đường bê tông Tổ Nguyễn Thái Học 15 (khu đất đấu giá)			4.400	2.640	2.200
84	Ngõ 683 (đường bê tông Tổ Yên Ninh 9)	sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách sau VT 1 đường Yên Ninh 50m	4.500	2.700	2.250
		Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	Ngã ba (nhà ông Bình Hới)	3.500	2.100	1.750
		Ngã ba (nhà ông Bình Hới)	Hết đường bê tông (đường Tổ Yên Ninh 9)	3.000	1.800	1.500
		Hết đường bê tông (đường Tổ Yên Ninh 9)	đường Đá Bia (đường Tổ Yên Ninh 9)	3.000	1.800	1.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
85	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 9 (phía Trường Y Tế Yên Bái)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách sau VT 1 đường Yên Ninh 50m	4.500	2.700	2.250
		Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	Cổng trường Y tế	3.500	2.100	1.750
		Cổng trường Y tế	Hết đất nhà ông Vịnh	3.000	1.800	1.500
86	Đường từ sau vị trí 1 đường Điện Biên - Yên Ninh (phía Công ty cổ phần Tur vắn kiến trúc) đến hết đường bê tông	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Hết ranh gói đất nhà ông Hoàng Cai Bẩy	3.300	1.980	1.650
87	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 8 (Đường vào nhà ông Hoàng Trí Thức)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	4.400	2.640	2.200
		Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	Ranh giới phường Nam Cường	3.000	1.800	1.500
88	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 10 (Đường vào nhà ông Sứ)	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	5.000	3.000	2.500
		Cách sau vị trí 1 đường Yên Ninh 50m	Ngã ba nhà ông Hà	4.000	2.400	2.000
		Ngã ba nhà ông Sứ	Ngã ba nhà bà Hà	3.000	1.800	1.500
		Ngã ba nhà ông Hà	Phố Đặng Dung	3.000	1.800	1.500
		Ngã ba nhà ông Hà	Hết đất nhà ông Vinh, bà Thanh	3.000	1.800	1.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
89	Ngõ 105 (Đường bê tông Tổ Yên Ninh 10)	Phố Đặng Dung	Hết đường bê tông	3.000	1.800	1.500
90	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 3	Sau vị trí 1 đường Lý Thường Kiệt	Cách sau vị trí 1 đường Lý Thường Kiệt 50m	5.000	3.000	2.500
		Cách sau vị trí 1 đường Lý Thường Kiệt 50m	Đường Cao Thắng	5.200	3.120	2.600
		Ngã 3 (sau Sở Giao thông)	Hết các đường nhánh bê tông nội bộ quỹ đất Tổ Yên Ninh 3	5.000	3.000	2.500
		Nhà ông Minh	Ngã ba nhà bà Yên	5.000	3.000	2.500
91	Đường kè suối khe dài Tổ Yên Ninh 6	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	5.000	3.000	2.500
92	Đường bê tông Tổ Yên Ninh 6 (Đường vào CTCP tư vấn Giao thông Yên Bái)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	7.000	4.200	3.500
		Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	Hết nhà bà Tâm	5.500	3.300	2.750
		Nhà bà Tâm	Vị trí 1 đường Kim Đồng và đến nhà ông Chư	5.500	3.300	2.750
93	Ngõ 331 (Đường bê tông Tổ Yên Ninh 4, giáp Chi cục kiểm lâm)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	5.000	3.000	2.500
		Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	Hết nhà bà Tươi	4.400	2.640	2.200

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
		Nhà bà Tươi	Nhà ông Hà	4.400	2.640	2.200
94	Đường Tổ dân phố Phúc Cường	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hải)	Hết đất nhà bà Trần Thị Hồng Thắng	3.000	1.800	1.500
		Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hùng)	Vị trí 1 đường Hòa Bình (nhà ông Minh)	3.000	1.800	1.500
		Vị trí 1 đường Lê Hồng Phong (nhà ông Hải)	Gác chắn đường Hòa Bình	3.000	1.800	1.500
95	Đường Tổ dân phố Phúc Cường	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	Hết ranh giới đất ông Phạm Đức Tạo	3.000	1.800	1.500
96	Đường Tổ dân phố Phúc Thọ	Sau vị trí 1 đường Lê Hồng Phong	Hết đất ông Đinh Phú Sáu	4.000	2.400	2.000
97	Đường Tổ dân phố Phúc An	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	Hết đất bà Trần Thị Mỹ	3.500	2.100	1.750
98	Đường Tổ dân phố Phúc An	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	Hết đất bà Nguyễn Thị Trọ	3.500	2.100	1.750
		Đất bà Nguyễn Thị Trọ	Đường Tổ dân phố Phúc An	3.000	1.800	1.500
99	Đường Tổ dân phố Phúc Yên	Sau vị trí 1 đường Hòa Bình	Đất ông Nguyễn Quốc Chiến	3.500	2.100	1.750
100	Đường Tổ dân phố Phúc Tân - Tổ dân phố Phúc Yên	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Phúc	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Ngọc Anh	3.500	2.100	1.750

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
		Đất ông Nguyễn Ngọc Anh	Hết ranh giới đất bà Lê Thị Hòa	3.000	1.800	1.500
101	Đường vào Đầm Mỏ	Sau vị trí 1 đường Lê Lợi	Cách sau vị trí 1 đường Lê Lợi 200m	5.000	3.000	2.500
		Cách sau vị trí 1 đường Lê Lợi 200m	Hết đất nhà ông Vũ Văn Lưu (mương nước)	4.800	2.880	2.400
		Đất nhà ông Vũ Văn Lưu (mương nước)	Đường nội bộ khu đất đầu giá	5.000	3.000	2.500
102	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 12	Sau vị trí 1 phố Tuệ Tĩnh	Hết đất nhà ông Toàn Phương	3.500	2.100	1.750
		Nhà ông Toàn Phương	Hết đường bê tông	3.000	1.800	1.500
		Các đường nhánh	Quỹ đất đầu giá Tổ Nguyễn Thái Học 12	4.000	2.400	2.000
103	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 12	Sau vị trí 1 đường Thành Công	Ngã ba thứ 2	5.000	3.000	2.500
		Ngã ba thứ 2	Hết đường bê tông (nhà ông Hợi)	4.000	2.400	2.000
104	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 12	Ngã ba thứ 2	Hết đất bà Hằng (qua Tổ Nguyễn Thái Học 12)	5.000	3.000	2.500
		Hết đất bà Hằng (qua Tổ Nguyễn Thái Học 12)	Hết đất nhà Nguyễn Đức Toàn	4.000	2.400	2.000
105	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 6 (Tổ 31, 32 cũ)	Công ty TNHH 1 thành viên MT&CTĐT	Đường rẽ vào Tổ Nguyễn Thái Học 6	5.000	3.000	2.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
		Đường rẽ vào Tổ Nguyễn Thái Học 6	Ngã ba hết đất nhà ông Khải	4.000	2.400	2.000
105	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 6 (Tổ 31, 32 cũ)	Ngã ba hết đất nhà ông Khải	Hết đất Tổ Nguyễn Thái Học 6 (giáp đất nhà ông Sinh)	3.500	2.100	1.750
		Lối rẽ đi Tổ Nguyễn Thái Học 6 (Tổ 32 cũ)	Ngã ba đến hết đất ông Phùng Nguyên Ngọc	5.000	3.000	2.500
		Ngã ba đến hết đất ông Phùng Nguyên Ngọc	Hết đường bê tông	4.000	2.400	2.000
106	Đường Tổ Nguyễn Thái Học 15	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	Hết đất nhà bà Tiến	8.000	4.800	4.000
		Đất nhà bà Tiến	Hết đường bê tông rẽ vào Nhà văn hóa Tổ Nguyễn Thái Học 15 (NVH phố Thắng Lợi I cũ)	5.000	3.000	2.500
		Hết đường bê tông rẽ vào Nhà văn hóa Tổ Nguyễn Thái Học 15 (NVH phố Thắng Lợi I cũ)	Giáp đường bê tông Tổ Nguyễn Thái Học 15 (khu đất đấu giá - Tổ 68 cũ)	3.000	1.800	1.500
107	Đường trục C (Tổ Nguyễn Thái Học 2)	Sau vị trí 1 đường Nguyễn Thái Học	Hết đường	5.000	3.000	2.500
108	Đường dân sinh Tổ dân phố Hồng Thắng	Sau vị trí 1 phố Đào Duy Từ	Vị trí 1 đường Trần Hưng Đạo	4.000	2.400	2.000

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
109	Đường bê tông vào tổ Đồng Tâm 18	Sau vị trí 1 đường Âu Cơ	Cách sau vị trí 1 đường Âu Cơ 50m	12.000	7.200	6.000
		Cách sau vị trí 1 đường Âu Cơ 50m	Cách Khu I (Khu 6,2ha) 100m (hướng về phía đường Âu Cơ)	5.000	3.000	2.500
		Cách Khu I (Khu 6,2ha) 100m (hướng về phía Khu I)	Khu I (Khu 6,2ha)	8.000	4.800	4.000
110	Đường bê tông từ Tổ Yên Ninh 5 (giáp Khu chỉ cục Kiểm lâm tỉnh)	Sau vị trí 1 đường Điện Biên	Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	7.000	4.200	3.500
		Cách sau vị trí 1 đường Điện Biên 50m	Hết đất nhà ông Sỹ, nhà bà Lan	5.000	3.000	2.500
		Đất nhà ông Sỹ, nhà bà Lan	Hết đất nhà bà Nguyễn Thị Khanh (cổng thoát nước)	4.000	2.400	2.000
111	Ngõ 268: Đường Bê tông Tổ Yên Ninh 12	Sau vị trí 1 đường Bảo Lương	Cách sau vị trí 1 đường Bảo Lương 50m	3.500	2.100	1.750
		Cách sau vị trí 1 đường Bảo Lương 50m	Hết đường bê tông	3.000	1.800	1.500
112	Đường nội bộ Khu đô thị mới Tổ Minh Tân 9			22.000	13.200	11.000
113	Đường bê tông lên sân	Cổng nhà hàng F1	Hết các đường nhánh bê tông khu	5.800	3.480	2.900

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
	bóng Hoàng Nam phường Yên Ninh		sân bóng Hoàng Nam			
114	Đường Tổ dân phố Phúc Cường (Tổ 32-36 cũ)			3.000	1.800	1.500
115	Đường Tổ dân phố Phúc Tân (Tổ 15-16 cũ)			3.000	1.800	1.500
116	Đường bê tông Tổ Minh Tân 2, Minh Tân 3	Sau vị trí 1 đường Yên Ninh	Hết đất nhà ông Đồng Sỹ Huyền (Tổ Minh Tân 3)	4.000	2.400	2.000
		Đất nhà ông Đồng Sỹ Huyền (Tổ Minh Tân 3)	Hết đất nhà ông Nguyễn Trọng Năng (Tổ Minh Tân 2)	3.100	1.860	1.550
		Đất nhà ông Nguyễn Trọng Năng (Tổ Minh Tân 2)	Vị trí 1 đường Yên Ninh (ngõ 919)	3.100	1.860	1.550
117	Đường vào khu tái định cư số 1 đường Âu Cơ	Sau vị trí 1 đường Âu Cơ	Cổng qua đường	12.000	7.200	6.000
		Cổng qua đường	Hết ranh giới phường Yên Bái	9.600	5.760	4.800
118	Đường vào xưởng gạch Xuân Lan	Vị trí 1 đường Nguyễn Phúc	Trạm Biến áp TĐC Xuân Lan	4.300	2.580	2.150
		Trạm Biến áp TĐC Xuân Lan	Hất xưởng gạch Xuân Lan	3.800	2.280	1.900
		Đường nội bộ quỹ đất Xuân Lan		4.000	2.400	2.000
119	Đường từ đường Nguyễn Văn Cừ đến gặp đường			27.000	16.200	13.500

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
	Trần Phú (tổ Đồng Tâm 10)					
120	Kè Hào Gia	Ban Nội chính	Đường Ngô Sỹ Liên (cầu D41)	15.000	9.000	7.500
		Đường Trần Phú	Nhà văn hóa đa năng tổ Đồng Tâm 18	15.000	9.000	7.500
		Cầu D41	Đường Trần Phú và gập đường Lê Lợi	10.000	6.000	5.000
121	Đường nội bộ Khu I (Khu 6,2ha)	Các thửa đất thuộc băng 2, băng 3		25.000	15.000	12.500
		Các thửa đất thuộc băng 4, băng 5		20.000	12.000	10.000
		Các thửa đất thuộc băng 6, băng 7		18.000	10.800	9.000
		Các nhánh còn lại		15.000	9.000	7.500
122	Đường nội bộ khu đô thị Viettel			12.000	7.200	6.000
123	Đường nội bộ Khu đô thị Hạnh phúc	Đường nội bộ rộng 9,5m, hành lang 5mx2		19.500	11.700	9.750
		Đường nội bộ rộng 6,5m, hành lang 3mx2		15.800	9.480	7.900
124	Đường nội bộ quỹ đất khu vực đường Cao Thắng			9.700	5.820	4.850
125	Đường nội bộ các khu tái định cư trên tuyến Đường Bách Lãm	Đường rộng 6m, hàng lang 3mx2, Khu tái định cư số 2 dự án Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh		10.100	6.060	5.050

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường	Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
126	Đường nội bộ các khu tái định cư trên tuyến đường Hưng Hóa	Đường nội bộ rộng 6,0m, hành lang 3mx2 (thuộc Dự án Đường nối từ đường Điện Biên đến đường nối cầu Bách Lãm đến cầu Văn Phú)	10.100	6.060	5.050
		Đường nội bộ rộng 7,0m, hành lang 4mx2 (thuộc Dự án xây dựng khu đô thị mới quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lãm đi cầu Tuần Quán)	10.700	6.420	5.350
		Đường nội bộ rộng 10,5m, hành lang 5mx2 (thuộc Dự án xây dựng khu đô thị mới quỹ đất trên trục đường cầu Bách Lãm đi cầu Tuần Quán)	12.100	7.260	6.050
127	Đường nội bộ khu tái định cư sau Công ty xăng dầu Yên Bái		8.000	4.800	4.000
128	Đường nội bộ khu tái định cư công trình Hạ tầng kỹ thuật công viên Đồng Tâm		9.800	5.880	4.900
129	Đường nội bộ dự án: Chính trang đô thị khu vực tổ dân phố số Yên Ninh 4 và tổ dân phố số Yên Ninh 5	Đường nội bộ rộng 9m, hành lang 3m*2 bên	11.000	6.600	5.500
		Đường nội bộ rộng 7m, hành lang 3m*2 bên	10.300	6.180	5.150
130	Đường nội bộ dự án: Chính trang đô thị khu vực tổ dân phố số Yên Ninh 5	Đường nội bộ rộng 7,5m, hành lang 3m*2 bên	10.300	6.180	5.150
		Đường nội bộ rộng 7,0m, hành lang 3*2 bên	10.100	6.060	5.050

STT	Tên Đường, Đoạn Đường, Khu Vực	Đoạn đường		Giá đất ở	Giá đất thương mại,	Giá đất cơ sở sản xuất phi
131	Đường nội bộ quỹ đất tổ Yên Ninh 14 (cầu Bảo Lương)			7.000	4.200	3.500
132	Kè Cầu Dài (Từ đường Lê Lợi đến cầu bệnh viện)	Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 6 m		15.000	9.000	7.500
		Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 3 m		8.000	4.800	4.000
133	Kè Cầu Dài (nhánh Sứ đến cầu Bảo Lương)	Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 3 m		8.000	4.800	4.000
		Đoạn kè có bề rộng mặt đường rộng 6 m		10.000	6.000	5.000
134	Đường nội bộ khu tái định cư hạ tầng đô thị phía nam, phường Yên Bái			10.000	6.000	5.000
135	Ngõ 275 Đường Bảo Lương (Khu dân cư mới tổ Yên Ninh 12)			10.000	6.000	5.000
136	Đường nội bộ sân bóng Trung Hậu cũ			8.100	4.860	4.050
137	Đường nội bộ tiểu khu Hào Gia			15.000	9.000	7.500
138	Đường nội bộ quỹ đất đấu giá tổ Đồng Tâm 15 (tổ 35 cũ)			10.000	6.000	5.000
139	Khu đô thị Casamony			25.000	15.000	12.500
140	Đường nội bộ khu đấu giá TDP Đồng Tâm 11 (khu quán vua cá hồi đối diện thuế Lào Cai)			20.000	12.000	10.000
141	Các tuyến đường khác còn lại			3.000	1.800	1.500